

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Séc lết- Tù do- H<sup>1</sup>nh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 06/12/2024  
V/v: Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kiên Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Hiền và bà Nguyễn Thị Vĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Lê Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:** Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024; về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Trần Mạnh T1, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn T, xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (*xin vắng mặt*).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Trừ việc ủy quyền giải quyết quan hệ hôn nhân): Công ty Luật TV BCPACIFIC; địa chỉ: Số 6, đường Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thúy H- chức vụ: Giám đốc Công ty Luật TV BCPACIFIC.

Người được bà Vũ Thúy H phân công làm người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Nhật L, sinh năm 1995- Nhân viên Công ty Luật TV BCPACIFIC (*xin vắng mặt*).

*2. Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn Tứ, xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, anh Trần Mạnh T1 trình bày:*

- Anh và chị Nguyễn Thị T2 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và ngày 30/6/2012. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà anh tại xã HV. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được vài năm, sau đó thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau, mức độ mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, khiến cho gia đình hai bên phiền muộn, các con không thể vui vẻ học hành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng từ công việc làm ăn, phát triển kinh tế đến việc nuôi dạy, chăm sóc con chung. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019, sau đó chị T2 ra tỉnh ngoài làm ăn tự do, thỉnh thoảng mới về gia đình để thăm con. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T2 để anh ổn định làm ăn.

- Anh và chị Nguyễn Thị T2 có 02 con chung là Trần Thị GH, sinh ngày 25/01/20xx và Trần Gia P, sinh ngày 09/02/20xx. Từ khi vợ chồng ly thân, các con sống cùng anh và bố mẹ đẻ anh tại xã HV; thời gian gần đây anh làm nhân viên bán hàng cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Gia Phú ở Hà Nội, thu nhập bình quân mỗi tháng 30.000.000 đồng, anh vẫn thường xuyên về chăm nom các con và gửi tiền cho ông bà nội đóng học cho các con. Hiện tại chị T2 làm nghề tự do, không có thu nhập và chỗ ở ổn định nên anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị T2 phải cấp dưỡng cho con chung.

- Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Đại diện theo ủy quyền của anh T1 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T1 về quan hệ con chung và tài sản như nội dung trình bày trên của anh T1.

\* Chị Nguyễn Thị T2 có nơi trú tại thôn Tứ, xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Mọi văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho chị T2 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị T2 không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

\* Qua xác minh với ông Trần Xuân D (là bố chồng của chị T2) có nội dung: Anh T1 và chị T2 đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T1 chung sống cùng nhà với gia đình ông tại xã HV. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh T1

bất đồng quan điểm nên hay xảy ra va chạm cãi nhau. Năm 2019, chị T2 đòi đi vào Nam làm ăn nhưng anh T1 không đồng ý, sau đó chị T2 vẫn quyết định đi Nam nên dẫn tới việc vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân nhau mỗi người một nơi. Chị T2 vẫn thường xuyên về thăm con, mua quần áo, sách vở cho con và gọi điện về cho gia đình ông để hỏi thăm sức khỏe và việc học tập của con nhưng không cho gia đình ông và anh T1 biết địa chỉ cụ thể của chị T2. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh T1 và chị T2, ông đều nhận thay chị T2 và thông báo cho chị T2 biết nội dung văn bản tố tụng của Tòa án. Ông nắm bắt được tâm tư của chị T2, nếu anh T1 cương quyết ly hôn thì chị T2 cũng đồng ý.

Anh T1 và chị T2 có 02 con chung là Trần Thị GH, sinh ngày 25/01/20xx và Trần Gia P, sinh ngày 09/02/20xx. Từ khi chị T2 ra tỉnh ngoài làm ăn thì các cháu sinh sống cùng anh T1 và vợ chồng ông. Ly hôn, việc nuôi dưỡng các con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Xác minh tại UBND xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình có nội dung: Anh Trần Mạnh T1 và chị Nguyễn Thị T2 đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và ngày 30/6/2012, cả hai anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Tứ, xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà anh T1 tại xã HV, thỉnh thoảng vợ chồng đưa nhau ra tỉnh ngoài làm ăn. Thông qua gia đình anh T1 được biết, chị T2 và anh T1 mâu thuẫn và ly thân nhau từ năm 2019, do chị T2 muốn vào Nam làm ăn nhưng anh T1 không đồng ý, sau đó chị T2 vẫn một mình đi Nam làm ăn, thỉnh thoảng chị T2 mới về gia đình nhà chồng để thăm con. Khả năng anh T1 và chị T2 đoàn tụ được với nhau là khó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh T1 và chị T2 có 02 con chung là Trần Thị GH, sinh ngày 25/01/20xx và Trần Gia P, sinh ngày 09/02/20xx. Hiện 02 con đang sinh sống cùng anh T1 và ông bà nội. Ly hôn, việc nuôi dưỡng các con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phiên tòa:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Mạnh T1 được ly hôn chị Nguyễn Thị T2.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Giao cả 02 con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh T1 tự nguyện không yêu cầu chị T2 phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Mạnh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về tố tụng:**

Bị đơn, chị Nguyễn Thị T2 có nơi cư trú tại thôn Tứ, xã HV, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, anh Trần Mạnh T1 và người đại diện theo ủy quyền của anh T1 có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 và người đại diện theo ủy quyền của anh T1.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T2.

#### **- Về nội dung:**

[1]. Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Mạnh T1 và chị Nguyễn Thị T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Anh T1 và chị T2 bất đồng trong công việc làm ăn cũng như việc nuôi dạy con chung nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị T2 cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và phiên tòa; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T1.

[2]. Về con chung: Anh T1 và chị T2 có 02 con chung là Trần Thị GH, sinh ngày 25/01/2013 và Trần Gia P, sinh ngày 09/02/2017. Con Hân có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị T2, con P có đơn trình bày nguyện vọng được ở với anh T1. Xét thấy, cả 02 con chung đang sinh sống ổn định cùng anh T1 và ông bà nội, các con được anh T1 và ông bà chăm sóc chu đáo; anh T1 có thu nhập, nơi ở ổn định và có sự hỗ trợ của bố mẹ để trong việc nuôi con; chị T2 thường xuyên đi làm xa nhà nên không có nhiều thời gian chăm sóc các con và bản thân chị T2 cũng không đến Tòa án làm việc và cũng không có lời khai trình bày nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cả 02 con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc anh T1 không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng cho con chung là tự nguyện và không ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng con chung của anh T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Do anh T1 không yêu cầu giải quyết, chị T2 không có lời khai, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

**1/. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Trần Mạnh T1 được ly hôn chị Nguyễn Thị T2.

**2/. Về con chung:** Xử giao con chung Trần Thị GH, sinh ngày 25/01/20xx và Trần Gia P, sinh ngày 09/02/20xx cho anh Trần Mạnh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc anh Trần Mạnh T1 không yêu cầu chị Nguyễn Thị T2 phải cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; anh Trần Mạnh T1 và chị Nguyễn Thị T2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

**3/. Về tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**4/. Về án phí:** Anh Trần Mạnh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003253 ngày 09/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

**5/. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THA DS huyện Đông Hưng;
- UBND xã HV, h. Đông Hưng;
- Lưu HS; CQ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*(đã ký)*

**Lê Kiên Trung**

